

Số: /KH-UBND

Vĩnh Thủy, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Kiểm tra việc thực hiện nội dung đã ký cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn của các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2026

Thực hiện Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định phương thức quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT (*Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT*); Quyết định số 14/2026/QĐ-UBND ngày 26/01/2026 của UBND tỉnh về quy định cơ quan quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (*Quyết định số 14/2026/QĐ-UBND*); Công văn số 781/SNNMT-KTHTQLCL ngày 29/01/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc triển khai thực hiện Quyết định số 14/2026/QĐ-UBND của UBND tỉnh;

UBND xã xây dựng Kế hoạch kiểm tra việc thực hiện nội dung đã ký cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn của các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2026 với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU

1. Mục đích

- Nhằm đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến đến người dân biết và thực hiện tốt việc ký cam kết về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Qua đó, nâng cao nhận thức về điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm của người dân và các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản trên địa bàn.

- Nhằm giữ vững và nâng cao chất lượng chỉ tiêu liên quan đến an toàn thực phẩm trong xây dựng Nông thôn mới trên địa bàn xã Vĩnh Thủy.

2. Yêu cầu

- Hoạt động kiểm tra bảo đảm có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào các nhóm cơ sở tiềm ẩn nguy cơ cao về mất an toàn thực phẩm.

- Kết hợp kiểm tra với công tác tuyên truyền, hướng dẫn, phổ biến kiến thức, pháp luật về an toàn thực phẩm nhằm nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

- Kiểm tra việc thực hiện nội dung đã ký cam kết của các cơ sở sản xuất, kinh doanh phải đảm bảo quy định theo Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT và Quyết định số 14/2026/QĐ-UBND.

II. ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM KIỂM TRA

1. Đối tượng kiểm tra

Các cơ sở sản xuất, kinh doanh quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT trên địa bàn xã đã có bản cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn, trong đó ưu tiên kiểm tra cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ và sơ chế nhỏ lẻ.

2. Thời gian, địa điểm kiểm tra

- Thời gian: Quý II và quý III/2026.

- Kiểm tra đột xuất khi có sự cố về an toàn thực phẩm liên quan hoặc theo chỉ đạo của cơ quan cấp trên.

- Địa điểm: tại cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trên địa bàn xã.

(Phòng Kinh tế xây dựng lịch kiểm tra cụ thể và thông báo cho các tổ chức, cá nhân có liên quan trước thời điểm kiểm tra định kỳ).

III. NỘI DUNG, HÌNH THỨC KIỂM TRA, XỬ LÝ VI PHẠM

1. Nội dung kiểm tra

Kiểm tra việc thực hiện nội dung đã ký cam kết của các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đảm bảo điều kiện an toàn thực phẩm theo một số nội dung cốt lõi của từng nhóm cơ sở, cụ thể như sau:

a. Đảm bảo an toàn thực phẩm đối với cơ sở chăn nuôi nhỏ lẻ:

- Chuồng nuôi phải tách biệt với nơi ở của người;

- Chuồng nuôi, dụng cụ chăn nuôi định kỳ phải được vệ sinh khử trùng, tiêu độc;

- Lưu giữ thông tin mua bán bảo đảm truy xuất được nguồn gốc sản phẩm;

- Thu gom, xử lý phân, nước thải chăn nuôi, xác động vật nuôi và chất thải chăn nuôi theo quy định;

- Không sử dụng thuốc thú y, kháng sinh cấm sử dụng, hết hạn sử dụng, ngoài danh mục được phép dùng trong chăn nuôi, chưa được phép lưu hành tại Việt Nam; không sử dụng chất cấm (chất tạo nạc, vàng ô) trong chăn nuôi; không sử dụng hóa chất, kháng sinh, thuốc thú y không rõ nguồn gốc, xuất xứ;

- Sử dụng thuốc theo nguyên tắc 4 đúng:

+ Đúng thuốc “bệnh nào thuốc nấy”, xác định đúng bệnh để sử dụng đúng thuốc.

+ Đúng lúc thuốc để trị bệnh chỉ đạt hiệu quả cao khi sử dụng đúng thời điểm.

+ Đúng liều lượng, nồng độ theo liều lượng sử dụng thuốc ghi trên nhãn hoặc hướng dẫn của cán bộ chuyên môn.

+ Đúng cách sử dụng thuốc theo hướng dẫn của nhà sản xuất, đảm bảo thời gian cách ly trước khi giết mổ.

b. Đảm bảo an toàn thực phẩm đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản nhỏ lẻ:

- Nơi nuôi trồng thủy sản có khoảng cách an toàn với nguồn gây độc hại, nguồn gây ô nhiễm;

- Nước sử dụng để nuôi trồng phải đáp ứng quy định tại Quy chuẩn QCVN 08-MT:2015/BTNMT (đối với nước mặt), QCVN 10-MT:2015/BTNMT (đối với nước biển);

- Thiết bị, dụng cụ chứa đựng sản phẩm không gây độc hại, không gây ô nhiễm cho sản phẩm;

- Sử dụng thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học và chất xử lý cải tạo môi trường dùng cho nuôi trồng thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam và còn hạn sử dụng;

- Sử dụng thức ăn công nghiệp được phép lưu hành tại Việt Nam, không sử dụng thức ăn đã hết hạn sử dụng;

- Lựa chọn giống thủy sản có nguồn gốc rõ ràng, khỏe mạnh, được cơ quan có thẩm quyền kiểm dịch;

- Lưu giữ thông tin mua bán bảo đảm truy xuất được nguồn gốc sản phẩm;

- Không sử dụng chất cấm trong nuôi trồng thủy sản.

- Không sử dụng hóa chất, kháng sinh, thuốc thú y thủy sản ngoài danh mục được phép sử dụng.

- Không sử dụng thuốc thú y thủy sản không rõ nguồn gốc, xuất xứ.

- Sử dụng thuốc theo nguyên tắc 4 đúng:

+ Đúng loại “bệnh nào thuốc nấy”, xác định đúng bệnh để sử dụng đúng thuốc.

+ Đúng liều lượng theo liều lượng sử dụng thuốc ghi trên nhãn hoặc hướng dẫn của cán bộ chuyên môn.

+ Đúng lúc thuốc để trị bệnh chỉ đạt hiệu quả cao khi sử dụng đúng thời điểm.

+ Đúng cách sử dụng thuốc theo hướng dẫn của nhà sản xuất, đảm bảo thời gian cách ly trước khi thu hoạch.

c. Đảm bảo an toàn thực phẩm đối với cơ sở trồng trọt nhỏ lẻ:

- Nơi trồng trọt có khoảng cách an toàn với nguồn gây độc hại, nguồn gây ô nhiễm;

- Nước sử dụng để tưới, rửa sản phẩm phải đáp ứng quy định tại Quy định kỹ thuật Quốc gia QCVN 02:2009/BYT;

- Thiết bị, dụng cụ chứa đựng, bao gói không gây độc hại, không gây ô nhiễm cho sản phẩm;

- Không được sử dụng trực tiếp phân tươi (chất thải của người, động vật);

- Không sử dụng chất cấm trong trồng rau;
- Không sử dụng thuốc bảo vệ thực vật không rõ nguồn gốc xuất xứ;
- Không sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, hóa chất ngoài danh mục;
- Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật theo nguyên tắc 4 đúng:
 - + Đúng thuốc “sâu, bệnh nào thuốc nấy”, xác định đúng sâu, bệnh để sử dụng đúng thuốc.
 - + Đúng lúc thuốc để trị sâu, bệnh chỉ đạt hiệu quả cao khi sử dụng đúng thời điểm
 - + Đúng liều lượng, nồng độ theo liều lượng sử dụng thuốc ghi trên nhãn hoặc hướng dẫn của cán bộ chuyên môn.
 - + Đúng cách sử dụng thuốc theo hướng dẫn của nhà sản xuất, đảm bảo thời gian cách ly trước khi thu hoạch.
- Thu gom, xử lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật;
- Lưu giữ thông tin mua bán bảo đảm truy xuất được nguồn gốc sản phẩm.

d. Đảm bảo an toàn thực phẩm đối với cơ sở sơ chế nhỏ lẻ:

- Có khoảng cách an toàn với nguồn gây độc hại, nguồn gây ô nhiễm;
- Nước sử dụng cho sơ chế đáp ứng quy định tại Quy chuẩn QCVN 01:2009/BYT;
- Có phương tiện rửa tay khử trùng tay cho công nhân;
- Thiết bị, dụng cụ sơ chế, chứa đựng sản phẩm không gây độc hại, không gây ô nhiễm cho sản phẩm;
- Có biện pháp ngăn ngừa côn trùng và động vật gây hại xâm nhập;
- Dụng cụ thu gom chất thải rắn có nắp đậy và lưu trữ ở khu vực riêng biệt;
- Không sử dụng phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm đã qua thời hạn sử dụng, ngoài danh mục được phép sử dụng hoặc trong danh mục nhưng vượt quá giới hạn cho phép;
- Lưu giữ thông tin về nguyên liệu, quá trình sơ chế và bán sản phẩm bảo đảm truy xuất được nguồn gốc sản phẩm.

e. Đảm bảo an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm không có địa điểm cố định:

- Nước sử dụng cho sản xuất đáp ứng quy định tại Quy chuẩn QCVN 01-1:2018/BYT;
- Thiết bị, dụng cụ chứa đựng sản phẩm không gây độc hại, không gây ô nhiễm cho sản phẩm;
- Không sử dụng phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm đã quá thời hạn sử dụng, ngoài danh mục được phép sử dụng hoặc trong danh mục được phép sử dụng nhưng vượt quá ngưỡng cho phép;
- Thu gom, xử lý chất thải phải theo quy định của pháp luật;

- Chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất kinh doanh phải tuân thủ quy định về thực hành vệ sinh cá nhân;

- Lưu giữ thông tin mua bán bảo đảm truy xuất được nguồn gốc sản phẩm.

g. Đảm bảo an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản nhỏ lẻ; kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản bao gói sẵn:

- Cơ sở có khoảng cách an toàn với nguồn gây độc hại, nguồn gây ô nhiễm;
- Có thiết bị, dụng cụ vận chuyển, bảo quản sản phẩm đáp ứng các điều kiện nhiệt độ, độ ẩm theo chỉ dẫn của nhà sản xuất;

- Thiết bị, dụng cụ chứa đựng không gây độc hại, không gây ô nhiễm cho sản phẩm;

- Có dụng cụ thu gom chất thải, rác thải vào thùng kín, có nắp đậy;

- Không kinh doanh thực phẩm không rõ nguồn gốc xuất xứ hoặc quá thời hạn sử dụng;

- Lưu giữ thông tin mua bán bảo đảm truy xuất được nguồn gốc sản phẩm.

2. Hình thức kiểm tra

- UBND xã thành lập Đoàn kiểm tra, đồng thời phối hợp với các đơn vị liên quan, Trưởng các thôn, trưởng BCTMT các thôn kiểm tra trực tiếp việc thực hiện nội dung cam kết tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh.

- Đoàn kiểm tra lập Biên bản kiểm tra theo mẫu Phụ lục II Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT.

3. Xử lý cơ sở vi phạm cam kết

- Đối với các cơ sở vi phạm cam kết lần đầu: Đoàn kiểm tra nhắc nhở cơ sở tuân thủ bản cam kết.

- Đối với các cơ sở vi phạm cam kết lần thứ hai: Phòng Kinh tế phối hợp với các cơ quan liên quan công khai việc cơ sở không thực hiện đúng cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn trên phương tiện thông tin đại chúng.

- Đối với cơ sở vi phạm cam kết gây hậu quả nghiêm trọng hoặc cơ sở vi phạm cam kết từ lần thứ 3 trở đi: Tùy theo mức độ vi phạm, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm theo quy định pháp luật hiện hành.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí từ nguồn sự nghiệp năm 2026 của phòng Kinh tế được UBND xã cấp tại Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 12/01/2026 của UBND xã Vĩnh Thủy.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Kinh tế

Tham mưu UBND xã tổ chức thực hiện các nội dung được phân công tại khoản 2 Điều 4 Quyết định số 14/2026/QĐ-UBND; Công văn số 1041/UBND-KT ngày 06/5/2026 của UBND xã về triển khai công tác quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm; xây dựng dự trù kinh phí thực hiện; thông báo thời gian kiểm tra cụ thể cho các tổ chức, cá nhân liên quan.

2. Phòng Văn hoá - Xã hội; Trung tâm DVTH xã

Cử cán bộ tham gia Đoàn kiểm tra; phối hợp phòng Kinh tế tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn về thực hành sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn.

3. Trưởng các thôn

Thông tin về Kế hoạch kiểm tra đến tất cả các cơ sở sản xuất nông lâm thủy sản; phối hợp với Đoàn kiểm tra của UBND xã trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; nắm bắt kịp thời, phản ánh các trường hợp vi phạm.

4. Các cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc đối tượng kiểm tra

- Chấp hành các nội dung Kế hoạch kiểm tra.
- Cung cấp các thông tin, giấy tờ có liên quan đến lĩnh vực kiểm tra; chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, tài liệu, sổ sách, chứng từ đã cung cấp.
- Bố trí địa điểm, không gian làm việc đảm bảo.

Trên đây là kế hoạch tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung đã ký cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn của các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2026.

UBND xã yêu cầu các cơ quan, đơn vị, Trưởng các thôn và các tổ chức, cá nhân có liên quan nghiêm túc triển khai các nội dung theo Kế hoạch./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- Chi cục KTHT&QLCL (b/c);
- CT, các PCT UBND xã;
- Các cơ quan: Phòng Kinh tế; Phòng VH-XH; TTDVTH xã;
- Trưởng các thôn;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Quang Chiến